NH SECURITIES VIETNAM

BẢN TIN HÀNG NGÀY

07 tháng 4 năm 2026

Vn-Index hồi phục tốt tại hỗ trợ MA200

- Vn-Index tăng điểm trong khoảng 30 phút đầu ngày, sau đó giảm dần đến cuối phiên chiều. Sau khi chạm MA200, Vn-Index đã phục hồi từ cuối phiên chiều và đóng cửa tăng 2.55 điểm
- Số mã tăng điểm và giảm điểm tương đối cân bằng
- Nhóm chứng khoán tăng tốt nhất, trong đó VIX tăng trần nhờ kỳ vọng FTSE sẽ chính thức nâng hạng TTCK Việt Nam trong ngày mai
- 1 vài nhóm ngành tăng nhẹ như ngân hàng, bất động sản, xây dựng, điện, và cảng biển
- Ngược lại, nhóm giảm điểm là dầu khí, và bán lẻ
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE giảm 9.1% so với ngày trước đó

	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,677.5	246.7	125.6
(+/-)	2.55	1.67	-0.19
(%)	0.15%	0.68%	-0.15%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	612	56	40
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	15,152	992	466
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(827)	42	4
Số mã tăng	161	75	111
Số mã giảm	140	63	97
Số mã giá không đổi	70	50	75

1.
Nhận định thị trường

- Tại hỗ trợ MA200, giá trị giao dịch giảm, cho thấy áp lực bán không lớn. Thông thường tại hỗ trợ, sẽ luôn có lực cầu đỡ giá, nên nếu lực bán không lớn thì sẽ khó mà vỡ hỗ trợ
- Hỗ trợ MA200 đang nằm tại 1,667 điểm
- Phiên hôm nay thì đương nhiên, VN-Index đã chạm đúng hỗ trợ MA200 và bật lên, là tín hiệu tốt. Nếu không còn thêm những thông tin bất lợi, nhiều khả năng Vn-Index đã tạo đáy tại
- Nhà đầu tư mua dần tại vùng MA200 – 1,670 điểm và tiếp tục mua thêm dần trong ngày mai
- Nhóm chứng khoán sẽ được kỳ vọng nhiều hơn sau khi được FTSE nâng hạng.

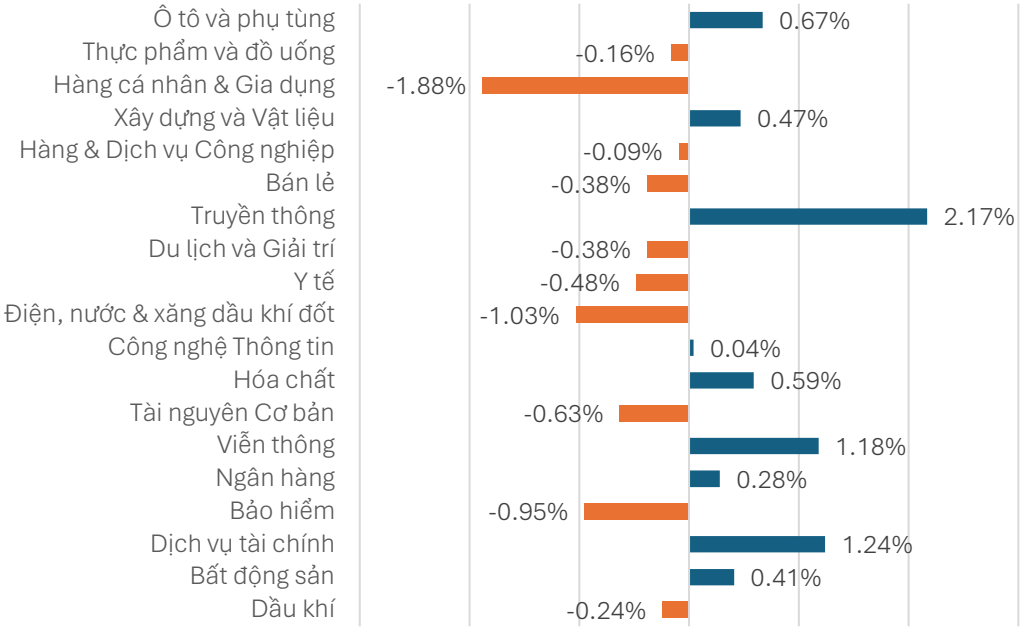

STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	19.12	1.78
2	Nguyên vật liệu	16.51	1.65
3	Công nghiệp	13.54	1.87
4	Hàng Tiêu dùng	15.13	2.41
5	Dược phẩm và Y tế	16.64	1.66
6	Dịch vụ Tiêu dùng	21.78	3.67
7	Viễn thông	25.65	6.21
8	Tiện ích Cộng đồng	13.15	1.78
9	Tài chính	17.55	2.44
10	Ngân hàng	9.07	1.50
11	Công nghệ Thông tin	13.50	2.82

2.

Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
LPB	4.12%	CRE	2.73%	VIX	6.94%	ANV	3.95%	CII	2.87%	DHC	1.18%	REE	1.24%	DCM	3.02%
VPB	1.76%	TCH	2.22%	FTS	5.78%	VHC	2.26%	VCG	1.91%	NKG	0.74%	POW	0.81%	DGC	2.26%
SHB	1.38%	QCG	1.93%	VCI	3.42%	BHN	2.05%	VGC	1.37%	ACG	0.00%	CHP	0.71%	DPM	1.27%
STB	0.82%	SJS	1.77%	BSI	3.36%	MCM	0.59%	CTD	1.15%	HPG	-0.19%	PPC	0.00%	DPR	0.25%
MSB	0.43%	NVL	1.37%	ORS	3.07%	DBC	0.45%	CTR	0.96%	HSG	-0.68%	BWE	0.00%	GVR	0.16%
NAB	0.38%	BCM	1.33%	CTS	2.62%	HAG	0.32%	HHV	0.43%	PTB	-1.46%	VSH	0.00%	VFG	0.00%
VIB	0.30%	VIC	1.27%	VND	2.56%	SBT	0.23%	PC1	0.19%			NT2	0.00%	PHR	-0.17%
SSB	0.30%	PDR	0.96%	SSI	2.04%	VNM	0.16%	BMP	-0.40%			TDM	-0.17%	CSV	-0.37%
BID	0.13%	SZC	0.91%	EVF	1.89%	BAF	0.00%	HTI	-0.82%			TMP	-0.18%	AAA	-0.58%
VCB	0.00%	HDG	0.72%	AGR	1.75%	FMC	-0.13%					PGV	-0.21%		
CTG	0.00%	DXG	0.36%	DSC	1.15%	PAN	-0.16%					SHP	-0.29%		
EIB	0.00%	IJC	0.20%	HCM	1.04%	ASM	-0.18%					GEG	-0.33%		
MBB	-0.19%	VRE	0.19%	VDS	0.70%	MSN	-0.27%					PGD	-0.42%		
ACB	-0.22%	VPI	0.00%	DSE	0.00%	VCF	-0.67%					HNA	-1.35%		
OCB	-0.46%	DIG	0.00%	BCG	0.00%	SAB	-0.79%					GAS	-1.53%		
TPB	-0.63%	HDC	0.00%			KDC	-1.24%								
TCB	-1.20%	KOS	0.00%												
HDB	-1.95%	NLG	0.00%												
		KDH	0.00%												
		KBC	-0.16%												
		SIP	-0.82%												
		DXS	-1.54%												
		VHM	-1.71%												

3.
Giao dịch khối ngoại

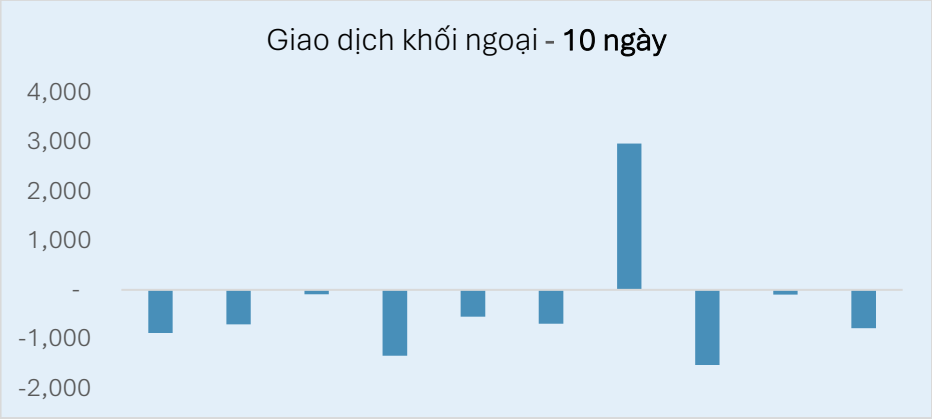

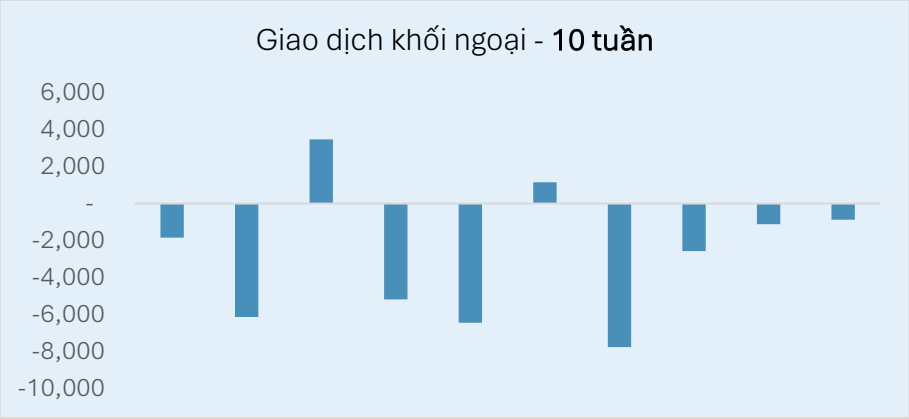

Top **mua** ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	VIC	HOSE	*115.99*	*62.92*	*53.07*
2	DGC	HOSE	*35.61*	*2.60*	*33.01*
3	PVS	HNX	*36.32*	*9.27*	*27.05*
4	PVD	HOSE	*32.00*	*4.98*	*27.02*
5	DPM	HOSE	*27.58*	*7.21*	*20.37*
6	LPB	HOSE	*54.49*	*36.32*	*18.16*
7	DIG	HOSE	*19.67*	*2.87*	*16.80*
8	PLX	HOSE	*16.88*	*0.64*	*16.24*
9	HPG	HOSE	*33.62*	*18.05*	*15.57*
10	GAS	HOSE	*17.76*	*3.37*	*14.39*
11	CII	HOSE	*15.52*	*1.95*	*13.57*
12	IDC	HNX	*17.39*	*3.89*	*13.50*
13	DCM	HOSE	*42.71*	*30.23*	*12.48*
14	VHM	HOSE	*68.32*	*56.08*	*12.24*
15	HCM	HOSE	*10.34*	*0.18*	*10.16*

Top **bán** ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	TCB	HOSE	*30.99*	*209.77*	*- 178.78*
2	HDB	HOSE	*18.17*	*180.58*	*- 162.41*
3	MBB	HOSE	*24.27*	*165.22*	*- 140.95*
4	ACB	HOSE	*5.01*	*86.07*	*- 81.06*
5	SSI	HOSE	*9.66*	*78.17*	*- 68.51*
6	BID	HOSE	*10.70*	*79.06*	*- 68.36*
7	CTG	HOSE	*1.41*	*61.86*	*- 60.46*
8	MWG	HOSE	*69.93*	*117.35*	*- 47.42*
9	VPL	HOSE	*0.59*	*41.22*	*- 40.64*
10	VCB	HOSE	*37.90*	*75.81*	*- 37.91*
11	FPT	HOSE	*70.42*	*101.81*	*- 31.39*
12	KDH	HOSE	*3.16*	*32.39*	*- 29.23*
13	HAH	HOSE	*0.36*	*28.36*	*- 28.00*
14	VNM	HOSE	*5.17*	*30.43*	*- 25.25*
15	GEE	HOSE	*2.61*	*25.19*	*- 22.58*

4.
Cập nhật vĩ mô

	Hôm nay	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	109.77	0.68%	-2.67%	80.39%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	113.84	1.59%	10.65%	98.26%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,659.20	-0.37%	3.28%	7.71%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,108	0.01%	0.02%	-0.05%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,363	0.01%	0.02%	-0.05%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	27,100	-0.91%	-3.49%	1.04%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	8.60%	2.31%	-2.82%	6.83%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.45%	0.00%	0.00%	0.38%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.54%	0.00%	0.00%	0.36%

Lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh trong tuần đầu tháng 4, NHNN bơm ròng 95.766 tỷ đồng

Trong tuần 30/03-06/04, lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh, đặc biệt ở các kỳ hạn ngắn vào cuối quý 1. Lãi suất qua đêm chạm 11.42% trong phiên 30/03, trước khi hạ nhiệt và kết tuần ở mức 6.29%, tăng 166 điểm cơ bản so với tuần trước.

Trong tuần, NHNN bơm ròng 95,766 tỷ đồng, đưa lượng OMO lưu hành trong hệ thống tăng lên hơn 300.000 tỷ đồng

Giá dầu tăng nhẹ sau lời đe dọa của Tổng thống Donald Trump

Khép phiên ngày 06/04, giá dầu Brent tăng 0.68% lên 109.77 USD/thùng sau khi Tổng thống Donald Trump tiếp tục nhấn mạnh lời đe dọa phá hủy cơ sở hạ tầng dân sự của Iran nếu nước Cộng hòa Hồi giáo không đồng ý mở lại eo biển Hormuz. Trong khi đó, giá vàng thế giới giảm về gần 4.650 USD

5.
Bản tin doanh nghiệp

Liên danh THACO – Becamex muốn phát triển tuyến Metro nối Tp.HCM và Bình Dương

Liên danh Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex (Becamex IDC) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải (Thaco) vừa đề xuất với UBND TP.HCM đầu tư 2 tuyến metro nối trung tâm TP.HCM - Bình Dương với tổng mức đầu tư cho cả 2 tuyến dự kiến hơn 124.000 tỷ đồng. Tiến độ triển khai từ Q1/2027 và đưa vào vận hành năm 2030.

PVOIL lên kế hoạch lợi nhuận sau thuế đạt 656 tỷ đồng, tăng trưởng 30% so với năm trước

Nhận định tình hình thế giới diễn biến phức tạp trong năm 2026, PVOIL xây dựng kế hoạch kinh doanh với doanh thu hợp nhất đạt 150,7 nghìn tỷ đồng, gần như đi ngang so với mức thực hiện của năm 2025 là 156,6 nghìn tỷ. Tuy nhiên, LNST được kỳ vọng đạt 656 tỷ đồng, +30% so với năm trước.

Đồng thời công ty chuẩn bị cho việc niêm yết trên HoSE bằng cách giữ lại một phần lợi nhuận để bù đắp khoản đầu tư khó thu hồi từ PVB

Techcombank (TCB) xây dựng hai kịch bản LNTT năm 2026 tùy theo diễn biến tình hình xung đột Trung Đông

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB) trình hai kịch bản lợi nhuận trước thuế là 37.500 tỷ đồng, tăng 15% so với thực hiện năm 2025, và 35.000 tỷ đồng, tăng 7,6%, tuỳ theo diễn biến tình hình xung đột Trung Đông. Dư nợ tín dụng được giữ nguyên theo hạn mức NHNN phê duyệt là 849.000 tỷ đồng, +12% so với năm 2025.

Ngoài ra, TCB không chia cổ tức trong năm 2026, ưu tiên tái đầu tư nguồn lực vào các chương trình tăng trưởng dài hạn

6.
Lịch sự kiện

Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
BSH	08/04/2026	24/04/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500
HAM	08/04/2026	08/04/2026	Phát hành cổ phiếu	50.00%	
VGR	08/04/2026	17/04/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	35.00%	3,500
NBE	09/04/2026	16/09/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	11.00%	1,100
PTM	10/04/2026	17/04/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
TDM	14/4/2026	29/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	13.00%	1,300
BNW	15/04/2026	14/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6.00%	600
BWA	16/04/2026	15/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.50%	450
NAG	16/04/2026	16/04/2026	Phát hành cổ phiếu	2:1	10,000
CDC	17/04/2026	17/04/2026	Phát hành cổ phiếu	1:1	10,000

7.
Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN

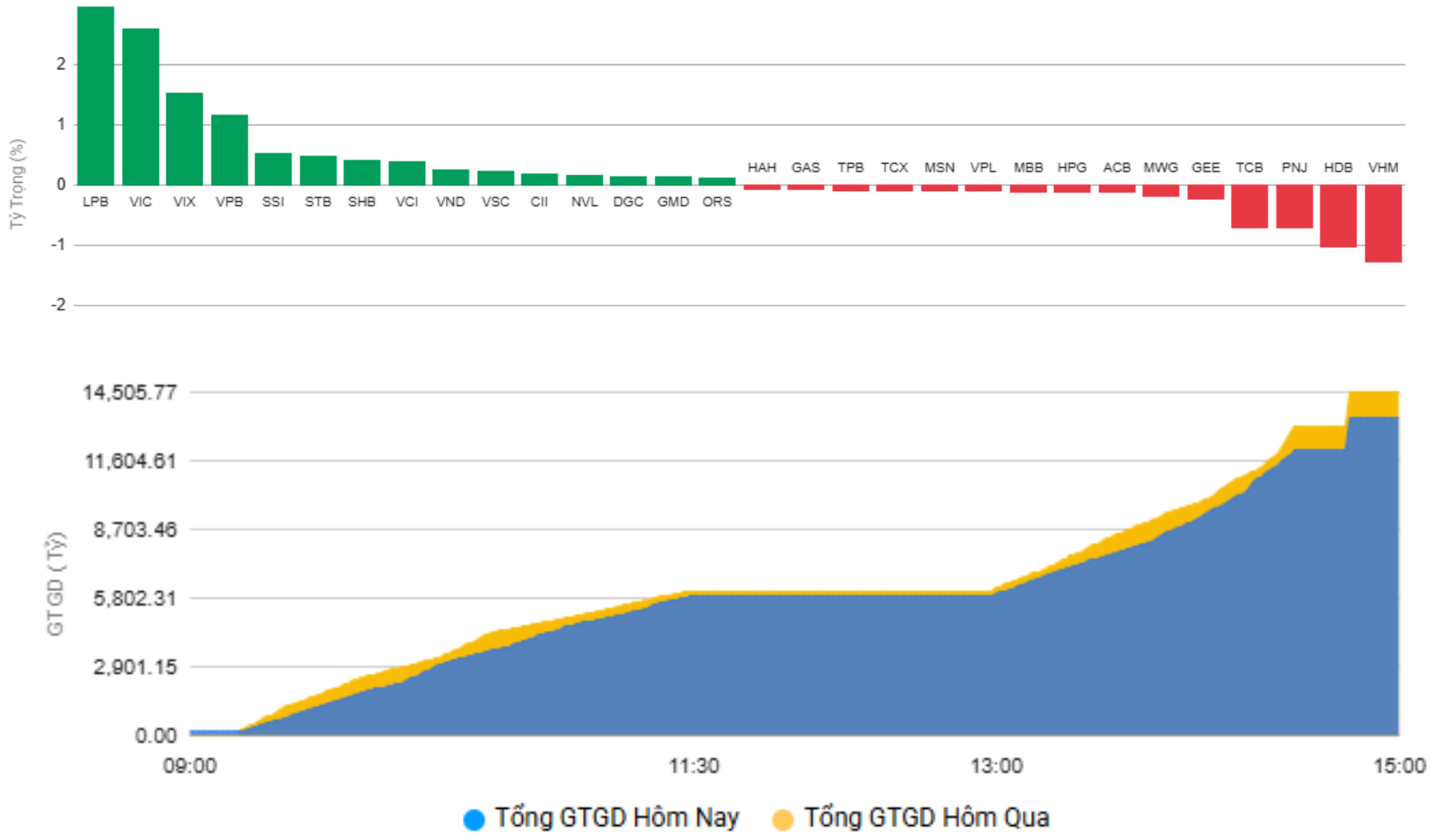

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (07/04/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	16/01/2026	31,684	26,050	21.6%	Link	Link
TPB	1/7/2024	23/03/2026	19,405	15,750	49.2%	Link	Link
TCB	12/8/2024	25/03/2026	40,300	28,700	28.9%	Link	Link
MBB	29/8/2024	26/12/2025	26,907	25,600	5.1%	Link	Link
ACB	23/9/2024	20/03/2026	30,650	23,200	23.9%	Link	Link
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	25,100	28.3%	Link	Link
CTG	28/11/2024	27/03/2026	46,600	33,700	19.3%	Link	Link
VCB	24/2/2025	31/12/2025	64,040	58,000	10.4%	Link	Link
BID	20/3/2025	17/3/2026	43,088	39,400	21.1%	Link	Link
STB	14/5/2025	31/03/2026	68,700	61,700	-4.9%	Link	Link
HPG	13/01/2025	9/2/2026	34,200	26,800	27.6%	Link	Link
HSG	14/02/2025	11/11/2025	17,700	14,550	21.6%	Link	Link
NKG	7/3/2025	12/2/2026	15,950	13,500	18.1%	Link	Link
GMD	27/05/2025	27/2/2026	73,340	71,900	24.3%	Link	Link
VSC	18/06/2025	6/3/2026	25,140	24,600	11.6%	Link	Link
HAH	31/3/2025	5/3/2026	69,420	54,500	38.3%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (07/04/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	13/11/2025	45,000	27,700	62.5%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	25,000	68.0%	Link	Link
DXG	15/11/2024	4/12/2025	20,800	13,850	50.2%	Link	Link
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	7,160	67.6%	Link	Link
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	31,800	27.4%	Link	Link
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	52,500	58.1%	Link	Link
VRE	21/3/2025	7/11/2025	30,000	25,750	16.5%	Link	Link
VHM	29/4/2025	5/11/2025	87,200	117,000	-25.5%	Link	Link
HDC	5/6/2025	30/01/2026	24,200	17,900	35.2%	Link	Link
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,704	15,550	19.6%	Link	Link
PVT	17/7/2025	10/3/2026	21,870	20,750	43.4%	Link	Link
VCG	29/8/2025	18/3/2026	26,800	20,950	13.1%	Link	Link
CTD	24/9/2025	13/3/2026	89,000	78,600	11.5%	Link	Link
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	148,000	14.9%	Link	Link
MWG	13/2/2026	13/2/2026	107,500	78,300	37.3%	Link	Link
PVD	3/03/2026	3/3/2026	40,500	32,350	25.2%	Link	Link

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline:1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.